

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ, nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 726 /TTr-SNN ngày 02 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể như sau:

1. Chuẩn hóa Danh mục 05 thủ tục hành chính. Trong đó: 04 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh; 01 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã.

2. Phê duyệt 05 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(Có phụ lục I, II kèm theo)

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học công nghệ và Môi trường, Nông nghiệp tại Mục VII, X Phần A, Phụ lục I; Mục IX, phần B, Phụ lục I; Mục XI Phần C Phụ lục I kèm theo Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La;

2. Bãi bỏ quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực Khoa học, công nghệ và Môi trường, Nông nghiệp tại Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 23/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Hương (03b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Minh

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, NÔNG NGHIỆP
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. CẤP TỈNH: 04 TTHC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ				
1	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao Mã số TTHC: 1.011647	-Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 24 ngày làm việc. -Trường hợp bổ sung, sửa đổi hồ sơ: 48 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN&MT tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua bưu điện	Không	(1) Luật Công nghệ cao ngày 13/11/2008. (2) Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
2	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông	3,5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN&MT tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử hoặc	Không	(1) Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007. (2) Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006. (3) Nghị định số

	nghiệp và Môi trường ban hành Mã số TTHC: 1.009478		qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua bưu điện	127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. (4) Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá. (5) Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa. (6) Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ: Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. (7) Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
--	---	--	--	---

II	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP				
1	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Mã số TTHC:1.003371	11 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN&MT tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua bưu điện	Không	Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
2	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương Mã số TTHC:1.003618	45 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN&MT tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua bưu điện	Không	Nghị định 83/2018/NĐCP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông

C. CẤP XÃ: 01 TTHC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP				
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã) Mã số TTHC: 1.009658	45 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả tại UBND cấp xã Trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua bưu điện	Không	Nghị định 83/2018/NĐCP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông

Phụ lục II

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, NÔNG NGHIỆP
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

1. Tên TTHC: Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao**a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ**

- Thời gian thực tế giải quyết: 24 ngày làm việc

- Trình tự thực hiện:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	¼ ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ý kiến phân công	¼ ngày
B3	Phòng Kế hoạch Tài chính tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng KHTC	Ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên phòng KHTC	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao về tính hợp lệ của hồ sơ	2,5 ngày
		Lãnh đạo phòng KHTC	Ý kiến xét trình duyệt	¼ ngày
B4	Văn bản yêu cầu, bổ sung hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến ký duyệt	¼ ngày
B5	Hội đồng thẩm định làm việc		Kết quả làm việc của HĐTD	10 ngày

B6	Phòng KHTC tiếp nhận, xử lý kết quả của hội đồng TĐ	Chuyên viên phòng KHTC	Dự thảo các Văn bản (<i>Tờ trình và Dự thảo Quyết định công nhận</i>)	04 ngày
		Lãnh đạo phòng KHTC	Ý kiến xét duyệt	¼ ngày
B7	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	¼ ngày
B8	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Văn phòng Sở (<i>Bộ phận văn thư</i>)	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình</i>)	¼ ngày
B9	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (<i>scan</i>)	¼ ngày
B10	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện				24 ngày

b) Trường hợp phải bổ sung, sửa đổi hồ sơ

- Thời gian thực tế giải quyết: 48 ngày làm việc
- Trình tự thực hiện:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	¼ ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ý kiến phân công	¼ ngày
B3	Phòng KHTC tiếp nhận, xử lý hồ	Lãnh đạo phòng KHTC	Ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên phòng KHTC	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và	2,5 ngày

	sơ		thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao về tính hợp lệ của hồ sơ	
		Lãnh đạo phòng KHTC	Ý kiến xét trình duyệt	¼ ngày
B4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến ký duyệt	¼ ngày
B5	Xem xét, bổ sung hồ sơ	Tổ chức, đầu mối vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Hồ sơ hoàn thiện	24 ngày
B6	Hội đồng thẩm định làm việc		Kết quả làm việc của HĐTD	10 ngày
B7	Văn phòng Sở tiếp nhận, xử lý kết quả của hội đồng TD	Chuyên viên phòng KHTC	Dự thảo các Văn bản (<i>Tờ trình và Dự thảo Quyết định công nhận</i>)	04 ngày
		Lãnh đạo phòng KHTC	Ý kiến xét duyệt	¼ ngày
B8	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	¼ ngày
B9	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Văn phòng Sở (<i>Bộ phận Văn thư</i>)	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình</i>)	¼ ngày
B10	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (<i>scan</i>)	¼ ngày
B11	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện				48 ngày

2. Tên TTHC: Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành

- Thời gian thực tế giải quyết: 3,5 ngày làm việc

- Trình tự thực hiện:

Stt	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN & TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục TT & BVTV	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phòng Bảo vệ thực vật tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Bảo vệ thực vật	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Bảo vệ thực vật	Dự thảo văn bản	1,5 ngày
		Lãnh đạo phòng Bảo vệ thực vật	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B4	Xem xét trình phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục TT & BVTV	Ý kiến trình ký duyệt	1/4 ngày
B6	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B7	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Bảo vệ thực vật	Văn bản phát hành (<i>đính kèm kết quả</i>)	1/4 ngày
B8	Trả kết quả	Bộ phận TN & TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan Giấy chứng nhận</i>)	0 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			3,5 ngày

3. Tên TTHC: Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Thời gian giải quyết: 11 ngày

- Các bước thực hiện:

Stt	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN & TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Kế hoạch tài chính tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng KHTC	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng KHTC	Dự thảo văn bản (<i>gửi các đơn vị đề xuất thành viên và dự thảo QĐ thành lập tổ thẩm định</i>)	01 ngày
		Lãnh đạo phòng KHTC	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B4	Tổ thẩm định làm việc		Kết quả làm việc của Tổ thẩm định	04 ngày
B5	Phòng KHTC tiếp nhận, xử lý kết quả của Tổ thẩm định	Chuyên viên phòng KHTC	Dự thảo văn bản (<i>Tờ trình và Quyết định</i>)	01 ngày
		Lãnh đạo phòng KHTC	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B6	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B7	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa liên thông hồ sơ	Văn phòng Sở (<i>Bộ phận Văn thư</i>)	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình</i>)	1/4 ngày
	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Bộ phận TN & TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh		1/4 ngày
	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Trả kết quả	Bộ phận TN & TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Đính kèm kết quả liên thông	0 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			11 ngày

4. Tên TTHC: Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương

- Thời gian thực tế giải quyết: 45 ngày làm việc

- Trình tự thực hiện:

Stt	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN & TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Kế hoạch tài chính tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng KHTC	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên phòng KHTC	Dự thảo văn bản (<i>gửi các đơn vị đề xuất thành viên và dự thảo QĐ thành lập tổ thẩm định</i>)	08 ngày
		Lãnh đạo phòng KHTC	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Tổ thẩm định làm việc		Kết quả làm việc của Tổ thẩm định	15 ngày
B5	Phòng KHTC tiếp nhận, xử lý kết quả của Tổ thẩm định	Chuyên viên phòng KHTC	Dự thảo văn bản (<i>Tờ trình và dự thảo Quyết định</i>)	03 ngày
		Lãnh đạo phòng KHTC	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B6	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B7	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa liên thông hồ sơ	Văn phòng Sở (<i>Bộ phận Văn thư</i>)	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình</i>)	1/2 ngày
	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Bộ phận TN & TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông	1/4 ngày
	Liên thông UBND tỉnh			15 ngày
B8	Trả kết quả	Bộ phận TN & TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Đính kèm kết quả liên thông	1/2 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			45 ngày

B. CẤP XÃ: 01 TTHC**1. Tên TTHC: Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương**

- Thời gian thực tế giải quyết: 45 ngày làm việc

- Trình tự thực hiện:

Stt	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN & TKQ cấp xã	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Thẩm định hồ sơ	Công chức phụ trách lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường	Dự thảo văn bản (<i>kèm theo dự thảo</i>)	42 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND xã	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Lưu sổ và bàn giao	Văn phòng Sở (<i>Bộ phận Văn thư</i>)	Văn bản phát hành (<i>đính kèm kết quả</i>)	01 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận TN & TKQ cấp xã	Quyết định phê duyệt Kế hoạch	1/2 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			45 ngày